

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày 27 – 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa:
Ông Dương Tấn Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Minh T, sinh ngày 09/02/2004 tại xã TT; nơi cư trú: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê (làm biển); trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng T1 và bà Đoàn Hồng S; vợ: Lê Thị Tuyết H (Lê Tuyết H); con: Phạm Thị N; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/11/2021 cho đến nay (có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Bà Phạm Hồng T2, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau là cô ruột của bị cáo (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Nguyễn Văn N1, Luật sư Văn phòng luật sư Ánh Sáng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ông Tăng Tấn L, Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước Việt Nam, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Bà Trần Như N2, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước Việt Nam, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 45 phút ngày 18/7/2021, Phạm Minh T đi nhờ võ, máy của cha vợ là ông Lê Văn V từ nhà ở ấp HH, xã TT, huyện ĐD đến hăng nước đá ĐM thuộc ấp LHT, xã TT. Sau đó, T một mình đi bộ đến cây xăng GH thuộc ấp LH T, xã TT nơi ông Nguyễn Văn T3 đậu ghe, T quan sát hơn 02 giờ thì phát hiện ghe không có người trông coi. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T đi xuống ghe mở dây neo đậu và nổ máy điều khiển ghe chạy đến bên sông nhà ông V neo đậu. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, ông T3 phát hiện ghe của mình đang neo đậu tại bên sông nhà ông V nên trình báo Công an xã TT đến lập biên bản và mời T về làm việc. Qua làm việc, T thừa nhận hành vi trộm cắp ghe của ông T3.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản số 20/KL-ĐGTS ngày 02/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đầm Dơi kết luận: Tổng giá trị tài sản do T trộm của ông T3 là 276.271.000đ.

Vật chứng thu giữ: 01 phương tiện ghe te (tàu) bằng gỗ dài 14,6m, rộng 2,7m, sâu 1,5m, số đăng ký CM-91079-TS (bao gồm cả máy Hyundai D6BRS, số máy 021230, công suất 188CV, sản xuất tại Hàn Quốc; hợp số; dàn cầu sắt; chân vịt 01m (04 cánh); máy bộ đàm; cặp rộng te bằng kim loại, 02 miệng te tôm, 01 thùng chứa nước đá bằng nhựa (loại đựng 08 cây nước đá), 01 bình ắc quy 150AP, 01 bình ắc quy 100AP, 03 miệng te ruốc loại lưới mảnh, 15 khên nhựa loại 70kg, 12 phuy nhựa loại 220 lít, 46 bao muối (loại bao 50kg), 10 cal nhựa loại 30 lít, 01 phuy đựng dầu bằng nhựa loại 100 lít và 120 lít dầu đỏ.

Từ những tình tiết nêu trên, tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi đã truy tố bị cáo Phạm Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- Người bào chữa cho bị cáo đề nghị: Áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xét xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 101 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Phạm Minh T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án đã được trả cho chủ sở hữu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí hình sự: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đàm Dơi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Minh T thừa nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi truy tố, cụ thể: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/7/2021, tại ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau Phạm Minh T đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của người bị hại nên đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T3 01 phương tiện ghe te (tàu) và các tài sản khác trên ghe te, giá trị tài sản theo định giá là 276.271.000đ.

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì “3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

Do đó, hành vi của bị cáo Thức đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi đã truy tố bị cáo Phạm Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bởi lẽ, trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là trực tiếp xâm

phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, là vi phạm nghiêm trọng pháp luật hình sự, nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, bất chấp và xem thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã làm xấu tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang man trong quần chúng nhân dân.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết như: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, không tiền án, tiền sự, khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo có người thân là người có công với đất nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Kiến nghị của người bào chữa về tội danh, hình phạt là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, kiến nghị về việc xét xử bị cáo với mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp nên không được chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có xem xét đầy đủ hành vi, tính chất, mức độ, hậu quả, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi và kiến nghị của người bào chữa để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Đó là, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian suy nghĩ về việc làm của mình, cũng như có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản do bị cáo trộm đã được trả cho bị hại và bị hại cũng không yêu cầu, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án đã được trả lại cho chủ sở hữu và chủ sở hữu cũng không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[10] Về án phí hình sự: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91; Điều 101 và Điều 54 của Bộ Luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam 22/11/2021.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phạm Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh